TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM ĐÔNG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thược.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Lợi và bà Hồ Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã LN, huyện GB, tỉnh Bắc Ninh.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn M, xã LN, huyện GB, tỉnh Bắc Ninh. Anh Nguyễn Văn Nh có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con giữa anh Nguyễn Văn Nh và chị Nguyễn Thị L, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Nguyễn Văn Nh đề nghị Tòa án công nhận những vấn đề sau đây:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Nh và chị Nguyễn Thị L có tìm hiểu nhau một thời gian ngắn, được sự cho phép của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn ngày 24/02/2008 tại Ủy ban

nhân dân xã LN, huyện GB, tỉnh Bắc Ninh, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại nhà cha mẹ anh Nh tại Thôn M, xã LN, huyện GB, tỉnh Bắc Ninh; thời gian đầu cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được 4 năm. Tuy nhiên, sau một thời gian sống hạnh phúc thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống và tư duy gia đình, liên tục xảy ra mâu thuẫn cãi vã làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; năm 2013, vợ chồng quyết định sống ly thân mỗi người một nơi, tính đến nay khoảng 10 năm, không ai còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 25/9/2007. Hiện nay con đang sống với vợ Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn Nh và chị Nguyễn Thị L thỏa thuận giao cháu Nguyễn Văn H cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con thì vợ chồng tự thỏa thuận trên cơ sở đảm bảo cho con có cuộc sống phát triển bình thường nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ về tài sản chung: Vợ chồng không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con giữa anh Nguyễn Văn Nh và chị Nguyễn Thị L, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Nh quen biết và tìm hiểu nhau một thời gian ngắn, cảm thấy hợp nhau nên xin phép hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, sau đó tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã LN, huyện GB, tỉnh Bắc Ninh, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại nhà cha mẹ anh Nh tại Thôn M, xã LN, huyện GB, tỉnh Bắc Ninh; thời gian đầu cuộc sống chung hạnh phúc, nhưng không kéo dài được lâu thì xảy ra mâu thuẫn và xô xát nhau; vợ chồng cũng nhiều lần khắc phục để về sống lại với nhau nhưng đến năm 2013 thì mẫu thuẫn xảy ra trầm trọng nên không thể sống tiếp với nhau nữa và quyết định sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân chủ yếu là do anh Nguyễn Văn Nh thường xuyên ham chơi cờ bạc, không lo cho cuộc sống gia đình. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì cha mẹ hai bên gia đình cũng có quan tâm, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả; anh Nh vẫn không khắc phục được những tật xấu của mình.

Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân thì ít khi liên lạc với nhau; thỉnh thoảng anh Nh gọi điện thoại hỏi thăm con, nhưng bây giờ cháu H đã có điện thoại riêng nên anh Nh gọi trực tiếp cho con mà không thông qua chị L nữa. Hiện nay vợ chồng thực sự không còn tình cảm với nhau nữa nên cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, sau đó anh Nh không đến Tòa án để làm việc và có đơn xin

giải quyết vắng mặt nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Nh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 25/9/2007 và đang ở với chị L nên chị L và anh Nh thỏa thuận giao con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H đến tuổi trưởng thành. Giữa chị L và anh Nh thỏa thuận riêng về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, chị L có công việc và thu nhập ổn định nên đảm bảo cho cuộc sống của gia đình.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Về nghĩa vụ tài sản chung: Chị L, anh Nh không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Nh.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 25/9/2007 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Văn Nh và chị Nguyễn Thị L tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết; anh Nh có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn Nh và chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự. Tại thời điểm nhận đơn yêu cầu và hiện nay chị Nguyễn Thị L cư trú tại Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế

nên căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con giữa anh Nguyễn Văn Nh và chị Nguyễn Thị L thì Tòa án đã thụ lý việc dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu, Tòa án triệu tập anh Nguyễn Văn Nh và chị Nguyễn Thị L đến Tòa án để giải quyết việc dân sự, nhưng chỉ có chị Nguyễn Thị L có mặt, còn anh Nguyễn Văn Nh vắng mặt nên Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn Nh và chuyển việc dân sự thành vụ án dân sự. Xác định lại tư cách tham gia tố tụng của chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn và anh Nguyễn Văn Nh là bị đơn.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Nh vắng mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp cũng như hòa giải được, nhưng sau đó anh Nguyễn Văn Nh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Nh.

[4] Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Nh kết hôn trên cở sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 24/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã LN, huyện GB, tỉnh Bắc Ninh nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

[5] Xét thấy, trước đây anh Nh và chị L đều thống nhất thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con là tự nguyện, nhưng sau đó anh Nh không có mặt để hòa giải và anh Nh đã làm đơn xin giải quyết vắng mặt. Qua lời khai của đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không hòa hợp về cách sống, tính tình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình quan tâm hòa giải nhưng không đạt được kết quả như mong muốn nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không ai còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị Nguyễn Thị L cũng như anh Nguyễn Văn Nh không muốn đoàn tụ gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Nh theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[6] Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 25/9/2007. Cháu Nguyễn Văn H sống với chị Nguyễn Thị L từ nhỏ cho đến nay và theo nguyện vọng của cháu H là được ở với chị L nên giao cháu Nguyễn Văn H cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem, xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Nh không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 150.000 đồng là đúng với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Nh.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 25/9/2007 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Văn Nh phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng* mà chị Nguyễn Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002585 ngày 13/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* mà chị Nguyễn Thị L đã theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002595 ngày 04/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn Nh vắng mặt

có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã LN, huyện GB, tỉnh Bắc Ninh (Đăng ký kết hôn ngày 24/02/2008);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Minh Thược